

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024**

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 5 - 6 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 7 - 8 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 9 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 10 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 11 - 33 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến thứ 22 ngày 15/11/2022, được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

| | |
|--------------------------------|----------------------|
| Vốn điều lệ đăng ký | 128.070.000.000 đồng |
| Vốn góp thực tế đến 31/12/2024 | 128.070.000.000 đồng |

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm 2024 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này là:

Hội Đồng Quản Trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------------|----------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Kim Xuân | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thu | Thành viên |
| Ông Đặng Việt Hùng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Khoa Đình Hoàng | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Đặng Việt Hùng | Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thu | Phó Tổng Giám đốc |

Ban kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Nhung | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Thế Phong | Thành viên |
| Bà Lê Thị Thu Vân | Thành viên |

4. Các hoạt động chính trong năm

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản.

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024.

6. Kết quả hoạt động

Lợi nhuận kinh doanh năm 2024 lãi: 278.633145 đồng.

Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 là: (88.161.621.593) đồng.

7. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với Bảng thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 268/2024 /DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán các Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản** tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 26 tháng 03 năm 2024.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN
Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHNKT: 0182-2023-042-1

LÊ ĐÌNH HUYỀN
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHNKT: 1756-2023-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị: VND | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 150.279.981.834 | 154.833.972.622 |
| <i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | 110 | V.1 | 670.863.138 | 74.230.717 |
| 1 . Tiền | 111 | | 670.863.138 | 74.230.717 |
| 2 . Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| <i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | 120 | V.2.1 | 266.198.400 | 321.940.800 |
| 1 . Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 531.000.000 | 531.000.000 |
| 2 . Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (264.801.600) | (209.059.200) |
| <i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | 130 | | 17.972.941.641 | 10.159.649.652 |
| 1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 7.919.300.433 | 9.361.076.716 |
| 2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 122.768.000 | 3.570.118.000 |
| 3 . Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 9.930.873.208 | 1.108.994.126 |
| 4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | (3.880.539.190) |
| <i>IV . Hàng tồn kho</i> | 140 | V.6 | 131.294.907.721 | 135.795.954.118 |
| 1 . Hàng tồn kho | 141 | | 145.618.504.274 | 150.119.550.671 |
| 2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (14.323.596.553) | (14.323.596.553) |
| <i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i> | 150 | | 75.070.934 | 8.482.197.335 |
| 1 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | V.11a | 75.070.934 | 8.451.884.364 |
| 2 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.11b | - | 30.312.971 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 37.647.134.726 | 39.481.447.208 |
| <i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i> | 210 | | - | - |
| <i>II . Tài sản cố định</i> | 220 | | 16.821.924.262 | 18.656.236.744 |
| 1 . Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 9.746.531.595 | 11.294.421.321 |
| - Nguyên giá | 222 | | 119.804.626.857 | 119.869.454.657 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (110.058.095.262) | (108.575.033.336) |
| 2 . Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 7.075.392.667 | 7.361.815.423 |
| - Nguyên giá | 228 | | 15.210.878.493 | 15.210.878.493 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (8.135.485.826) | (7.849.063.070) |
| <i>III . Bất động sản đầu tư</i> | 230 | | - | - |
| <i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i> | 240 | | - | - |
| <i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i> | 250 | V.2.2 | 20.825.210.464 | 20.825.210.464 |
| 1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 14.992.000.000 | 14.992.000.000 |
| 2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 22.219.425.650 | 22.219.425.650 |
| 3 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (16.386.215.186) | (16.386.215.186) |
| <i>VI . Tài sản dài hạn khác</i> | 260 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 187.927.116.560 | 194.315.419.830 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**MẪU SỐ B01 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị: VND | |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 102.641.462.685 | 109.308.399.100 |
| <i>I . Nợ ngắn hạn</i> | 310 | | 43.732.795.171 | 51.224.964.635 |
| 1 . Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.9 | 12.929.155.634 | 16.573.166.074 |
| 2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.10 | 1.076.499.310 | 1.455.289.175 |
| 3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11c | 237.327.772 | 213.362.645 |
| 4 . Phải trả người lao động | 314 | V.12 | 2.842.040.352 | 1.800.880.629 |
| 5 . Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13a | 5.566.561.535 | 8.402.651.219 |
| 6 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.14a | 16.178.245.020 | 17.807.569.345 |
| 7 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.15 | 4.902.965.548 | 4.972.045.548 |
| <i>II . Nợ dài hạn</i> | 330 | | 58.908.667.514 | 58.083.434.465 |
| 1 . Phải trả dài hạn khác | 337 | V.13b | 46.813.001.514 | 46.813.001.514 |
| 2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.14b | 12.095.666.000 | 11.270.432.951 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 85.285.653.875 | 85.007.020.730 |
| <i>I . Vốn chủ sở hữu</i> | 410 | V.16 | 85.285.653.875 | 85.007.020.730 |
| 1 . Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 128.070.000.000 | 128.070.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 128.070.000.000 | 128.070.000.000 |
| 2 . Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 24.156.097.000 | 24.156.097.000 |
| 3 . Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 21.221.178.468 | 21.221.178.468 |
| 4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (88.161.621.593) | (88.440.254.738) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (88.440.254.738) | (88.715.185.290) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 278.633.145 | 274.930.552 |
| <i>II . Nguồn kinh phí và quỹ khác</i> | 430 | | | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 187.927.116.560 | 194.315.419.830 |



PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
Người lập
Ngày 25 tháng 03 năm 2025



PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**MẪU SỐ B02 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị: VNĐ | |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| | | | Năm 2024 | Năm 2023 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 45.439.820.007 | 51.021.525.123 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 2.073.827.159 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 45.439.820.007 | 48.947.697.964 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 34.459.983.385 | 36.910.550.559 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 10.979.836.622 | 12.037.147.405 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 256.910.055 | 384.815.156 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.740.389.515 | 1.830.835.461 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 1.101.681.310 | 1.470.877.255 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 3.065.946.299 | 2.074.350.319 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 6.047.541.483 | 8.056.743.475 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 382.869.380 | 460.033.306 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 77.437.499 | 4.342.477 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 181.673.734 | 189.445.231 |
| 13. (Lỗ) khác | 40 | VI.7 | (104.236.235) | (185.102.754) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 278.633.145 | 274.930.552 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.8 | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 278.633.145 | 274.930.552 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 22 | 21 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | 22 | 21 |

**PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG**

Người lập

Ngày 25 tháng 03 năm 2025

PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN

Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**MẪU SỐ B03 – DN***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

| CHỈ TIÊU | Mã số | Đơn vị: VND | |
|---|-----------|----------------------|------------------------|
| | | Năm 2024 | Năm 2023 |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 278.633.145 | 274.930.552 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 1.926.312.482 | 2.753.884.085 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (3.824.796.790) | (118.859.922) |
| - (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (251.472.817) | 108.745.909 |
| - (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (27.741.077) | (329.746) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 1.101.681.310 | 1.470.877.255 |
| 3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (797.383.747) | 4.489.248.133 |
| - (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 09 | 4.474.373.602 | (6.120.815.608) |
| - Giảm hàng tồn kho | 10 | 4.501.046.397 | 4.856.588.645 |
| - (Giảm) các khoản phải trả | 11 | (5.793.765.139) | (2.518.658.061) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (1.101.681.310) | (1.410.877.255) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 200.000 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (69.280.000) | (158.739.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 1.213.509.803 | (863.253.146) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| - Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (92.000.000) | (43.050.000) |
| - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 27.500.000 | - |
| - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 241.077 | 329.746 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (64.258.923) | (42.720.254) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| - Tiền thu từ đi vay | 33 | 29.019.459.448 | 29.632.463.125 |
| - Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (29.572.077.907) | (30.574.249.484) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (552.618.459) | (941.786.359) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 596.632.421 | (1.847.759.759) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 74.230.717 | 1.921.990.476 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ | 70 | 670.863.138 | 74.230.717 |



PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
 Người lập
 Ngày 25 tháng 03 năm 2025

PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
 Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 22 ngày 15/11/2022 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

| | |
|---------------------------------|----------------------|
| Vốn điều lệ đăng ký: | 128.070.000.000 đồng |
| Vốn góp thực tế đến 31/12/2024: | 128.070.000.000 đồng |

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:
- ✓ Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- ✓ Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá, thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- ✓ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- ✓ Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- ✓ Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- ✓ Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- ✓ Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- ✓ Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- ✓ Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- ✓ Mua bán hàng nông - lâm - thủy - hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- ✓ Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- ✓ Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- ✓ Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- ✓ Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- ✓ Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp để so sánh với số liệu cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo. Cơ sở của kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách, nguyên tắc kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh;

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

| Nhóm tài sản | Thời gian khấu hao (Năm) |
|---------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 25 |
| Máy móc thiết bị | 07 – 12 |
| Phương tiện vận tải | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại:

Các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

20. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|----------------------|--------------------|-------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| - Tiền mặt | 595.907.279 | 30.820 |
| - Tiền gửi ngân hàng | 74.955.859 | 74.199.897 |
| + VNĐ | 54.683.474 | 27.684.025 |
| + USD | 11.763.683 | 37.939.244 |
| + EUR | 8.508.702 | 8.576.628 |
| Cộng | 670.863.138 | 74.230.717 |

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

| | 31/12/2024 | | | 01/01/2024 | | |
|--------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ |
| - Chứng khoán kinh doanh | 531.000.000 | 266.198.400 | 264.801.600 | 531.000.000 | 321.940.800 | 209.059.200 |
| Cộng | 531.000.000 | 266.198.400 | 264.801.600 | 531.000.000 | 321.940.800 | 209.059.200 |

Khoản đầu tư mua 11.376 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2024 | | | 01/01/2024 | | |
|-------------------------------|-------------------|----------------|-------------------|-------------------|----------------|-------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | ngàn VNĐ | ngàn VNĐ | ngàn VNĐ | ngàn VNĐ | ngàn VNĐ | ngàn VNĐ |
| - Đầu tư vào công ty liên kết | 14.992.000 | - | 1.499.200 | 14.992.000 | - | 1.499.200 |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | 22.219.426 | - | 14.887.015 | 22.219.426 | - | 14.887.015 |
| Cộng | 37.211.426 | - | 16.386.215 | 37.211.426 | - | 16.386.215 |

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính. Tại ngày 31/12/2024, Công ty tạm tính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dựa trên ước tính của Ban Giám đốc về mức độ suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÃU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết

| Tên Công ty | Giá trị đầu tư | |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ | 14.992.000.000 | 14.992.000.000 |
| Cộng | 14.992.000.000 | 14.992.000.000 |

Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900,000 USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2024 là 900,000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng.

2.2.2 Đầu tư dài hạn khác

| Tên Công ty | Giá trị đầu tư | |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| | VND | VND |
| Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga | 22.219.425.650 | 22.219.425.650 |
| Cộng | 22.219.425.650 | 22.219.425.650 |

Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304133361 ngày 05/07/2012 với số vốn góp tại ngày 31/12/2024 là 22.219.425.650 đồng, tương đương tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga. Mục đích đầu tư nhằm xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a. Phải thu khách hàng ngắn hạn | | |
| - Kim Distri | 1.926.413.688 | 2.355.997.554 |
| - IFC Seafood Inc | 5.377.166.361 | 5.253.955.000 |
| - Công ty TNHH Thực phẩm xanh Đồng Tháp | - | 770.679.190 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 615.720.384 | 980.444.972 |
| b. Phải thu bên liên quan | | |
| Cộng | 7.919.300.433 | 9.361.076.716 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|--------------------|----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | |
| - Công ty TNHH THS Minh Phương | - | 3.109.860.000 |
| - Các khoản trả trước cho người bán khác | 122.768.000 | 460.258.000 |
| Cộng | 122.768.000 | 3.570.118.000 |

5. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|-------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ |
| Phải thu khác ngắn hạn | 9.930.873.208 | - | 1.108.994.126 | - |
| - Thuế GTGT đầu vào chờ hoàn | 8.974.744.349 | - | - | - |
| - Tạm ứng | 749.349.477 | - | 728.734.228 | - |
| - Phải thu ngắn hạn khác | 206.779.382 | - | 380.259.898 | - |
| Cộng | 9.930.873.208 | - | 1.108.994.126 | - |

6. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 130.113.436.097 | (11.798.753.630) | 129.484.103.703 | (11.798.753.630) |
| + NVL nhập khẩu | 1.446.225.350 | - | 1.606.818.993 | - |
| + NVL trong nước | 1.666.454.460 | - | 2.332.696.737 | - |
| + Bán thành phẩm | 121.953.868.163 | (11.798.753.630) | 120.350.430.731 | (11.798.753.630) |
| + Vật liệu phụ, bao bì | 5.046.888.124 | - | 5.194.157.242 | - |
| - Công cụ, dụng cụ | 3.046.274.594 | - | 3.058.324.330 | - |
| - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 84.447.582 | - | 73.411.514 | - |
| - Thành phẩm | 12.374.346.001 | (2.524.842.923) | 17.503.711.124 | (2.524.842.923) |
| Cộng | 145.618.504.274 | (14.323.596.553) | 150.119.550.671 | (14.323.596.553) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÃ SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 43.718.683.540 | 68.310.792.556 | 5.985.700.474 | 1.854.278.087 | 119.869.454.657 |
| - Tăng trong kỳ | - | 92.000.000 | - | - | 92.000.000 |
| + Mua trong kỳ | - | 92.000.000 | - | - | 92.000.000 |
| - Giảm trong kỳ | - | - | (156.827.800) | - | (156.827.800) |
| +Thanh lý, nhượng bán | - | - | (156.827.800) | - | (156.827.800) |
| Tại ngày 31/12/2024 | 43.718.683.540 | 68.402.792.556 | 5.828.872.674 | 1.854.278.087 | 119.804.626.857 |
| GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 36.701.106.644 | 64.195.482.557 | 5.824.166.048 | 1.854.278.087 | 108.575.033.336 |
| - Tăng trong kỳ | 792.758.784 | 752.515.861 | 94.615.081 | - | 1.639.889.726 |
| + Khấu hao trong kỳ | 792.758.784 | 752.515.861 | 94.615.081 | - | 1.639.889.726 |
| - Giảm trong kỳ | - | - | - | - | - |
| +Thanh lý, nhượng bán | - | - | (156.827.800) | - | (156.827.800) |
| Tại ngày 31/12/2024 | 37.493.865.428 | 64.947.998.418 | 5.761.953.329 | 1.854.278.087 | 110.058.095.262 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 7.017.576.896 | 4.115.309.999 | 161.534.426 | - | 11.294.421.321 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 6.224.818.112 | 3.454.794.138 | 66.919.345 | - | 9.746.531.595 |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 62.246.248.848 đồng.

Nhà xưởng và quyền sử dụng đất đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 14 trang 26 và trang 27 đã được mua bảo hiểm theo hợp đồng với Công ty Bảo hiểm Pjico Đông Sài Gòn số: P-23/DSG/P39/3111/000014 ngày 28/12/2023. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Nhãn hiệu hàng hóa | Quyền sử dụng đất | Phần mềm | Cộng |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|-------------|----------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 5.712.920.000 | 9.284.870.893 | 213.087.600 | 15.210.878.493 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 5.712.920.000 | 9.284.870.893 | 213.087.600 | 15.210.878.493 |
| GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 5.712.920.000 | 1.923.055.470 | 213.087.600 | 7.849.063.070 |
| + Khấu hao trong kỳ | - | 286.422.756 | - | 286.422.756 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 5.712.920.000 | 2.209.478.226 | 213.087.600 | 8.135.485.826 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | - | 7.361.815.423 | - | 7.361.815.423 |
| Tại ngày 31/12/2024 | - | 7.075.392.667 | - | 7.075.392.667 |

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.926.007.600 đồng.

Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất) là quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số CI 545614 cấp ngày 21/06/2017 tại địa chỉ Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 20.802 m². Thời hạn sử dụng đến tháng 9/2049.

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | |
| - Tai Foong USA | 770.791.140 | 6.583.328.704 |
| - Ze Hui Co., Ltd | 4.013.209.463 | 3.298.214.528 |
| - Cơ sở mầm bà Giáo Khoè 666666 | 648.504.852 | 1.248.504.852 |
| - Nichimo International Inc | 1.895.007.801 | - |
| - Các khoản phải trả người bán khác | 5.601.642.378 | 5.443.117.990 |
| Cộng | 12.929.155.634 | 16.573.166.074 |

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | |
| - Ze Hui Co., Ltd | 1.076.499.310 | 1.455.289.175 |
| - Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn | 27.000.000 | 405.789.865 |
| Cộng | 1.076.499.310 | 1.455.289.175 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2024 | Số phải thu | Số đã thu/ khấu trừ | 31/12/2024 |
|---|----------------------|----------------------|------------------------|-------------------|
| a. Thuế GTGT được khấu trừ | 8.451.884.364 | 9.869.227.532 | 18.246.040.962 | 75.070.934 |
| - Thuế GTGT được khấu trừ | 8.451.884.364 | 9.869.227.532 | 18.246.040.962 | 75.070.934 |
| b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 30.312.971 | - | 30.312.971 | - |
| - Thuế TNCN | 30.312.971 | - | 30.312.971 | - |
| Cộng | 8.482.197.335 | 9.869.227.532 | 18.276.353.933 | 75.070.934 |

| | 01/01/2024 | Số phải nộp | Số đã nộp/ khấu trừ | 31/12/2024 |
|---|--------------------|--------------------|------------------------|--------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| c. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | | | |
| - Thuế GTGT hàng nội địa | - | 349.793.334 | 349.793.334 | - |
| - Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 5.813.360 | 5.813.360 | - |
| - Thuế xuất, nhập khẩu | - | 1.940.601 | 1.940.601 | - |
| - Thuế TNCN | 2.259.879 | 88.375.585 | 64.410.458 | 26.225.006 |
| - Lệ phí môn bài | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| - Các loại thuế khác | 211.102.766 | - | - | 211.102.766 |
| Cộng | 213.362.645 | 448.922.880 | 424.957.753 | 237.327.772 |

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Phải trả lương người lao động | 2.842.040.352 | 1.800.880.629 |
| Cộng | 2.842.040.352 | 1.800.880.629 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÃ SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a. Phải trả ngắn hạn khác | 5.566.561.535 | 8.402.651.219 |
| - Kinh phí công đoàn | - | 58.552.560 |
| - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 546.766.911 | 886.884.744 |
| - Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 50.000.000 | 50.000.000 |
| - Lê Thị Thu Vân | 840.000.000 | 4.372.214.080 |
| - Phải trả khác | 4.129.794.624 | 3.034.999.835 |
| b. Phải trả dài hạn khác (*) | 46.813.001.514 | 46.813.001.514 |
| - Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân | 31.977.168.139 | 31.977.168.139 |
| - Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thùy | 11.755.833.375 | 11.755.833.375 |
| - Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu | 3.080.000.000 | 3.080.000.000 |
| Cộng | 52.379.563.049 | 55.215.652.733 |

(*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là khoản phải trả (các bên liên quan) tiền mượn vốn kinh doanh tạm thời, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

14. CÁC KHOẢN VAY

| | | 01/01/2024 | Trong kỳ | | 31/12/2024 |
|---------------------------|------|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | | Giá trị/Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị/Số có khả năng trả nợ |
| | | VND | VND | VND | VND |
| a. Vay ngắn hạn | | 17.807.569.345 | 22.867.986.631 | 24.497.310.956 | 16.178.245.020 |
| - NH Vietcombank | 14.1 | 9.987.569.345 | 17.892.986.631 | 19.967.310.956 | 7.913.245.020 |
| + Vay VND | | 2.177.054.323 | 7.823.975.095 | 6.478.866.834 | 3.522.162.584 |
| + Vay USD | | 7.810.515.022 | 10.069.011.536 | 13.488.444.122 | 4.391.082.436 |
| - Các khoản vay cá nhân | 14.2 | 7.820.000.000 | 4.975.000.000 | 4.530.000.000 | 8.265.000.000 |
| + Nguyễn Thị Kim Thu | | 2.000.000.000 | - | - | 2.000.000.000 |
| + Nguyễn Thị Kim Thùy | | 1.120.000.000 | - | - | 1.120.000.000 |
| + Nguyễn Thị Kim Xuân | | 500.000.000 | - | - | 500.000.000 |
| + Nguyễn Hoàng Ngọc Trang | | 1.800.000.000 | - | - | 1.800.000.000 |
| + Lê Thị Thu Vân | | 2.400.000.000 | 2.130.000.000 | 4.530.000.000 | - |
| + Nguyễn Hoàng Thông | | - | 2.845.000.000 | - | 2.845.000.000 |
| b. Vay dài hạn | 14.3 | 11.270.432.951 | 5.900.000.000 | 5.074.766.951 | 12.095.666.000 |
| - Nguyễn Thị Kim Xuân | | 4.000.000.000 | - | - | 4.000.000.000 |
| - Nguyễn Thị Kim Thu | | 2.220.000.000 | - | - | 2.220.000.000 |
| - Nguyễn Hoàng Ngọc Trang | | 5.050.432.951 | 5.900.000.000 | 5.074.766.951 | 5.875.666.000 |
| Cộng | | 29.078.002.296 | 28.767.986.631 | 29.572.077.907 | 28.273.911.020 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÃ SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(14.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp tín dụng số 31/521051/24-DN2/N-CTD ngày 14/03/2024 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 31/521051/24-DN2/N-HM/01 ngày 14/03/2024. Hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng; thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2024 bao gồm 3.522.162.584 đồng và 171.855,6 USD. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này bao gồm:

- ✓ Thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy chế biến thủy sản tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu năm 2005), địa chỉ: Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0789/NHNT ký ngày 16/8/2017 giữa Ngân hàng và khách hàng cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có).
- ✓ Thế chấp tài sản là các công trình phụ trợ ngoài phạm vi công trình chính tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu năm 2005), địa chỉ: Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0169/1938/TCDN2 ký ngày 05/9/2019 giữa Ngân hàng và khách hàng cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có).

(14.2) Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 3 đến 9 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất 150% * lãi suất cơ bản của ngân hàng Việt Nam theo từng thời điểm vay.

(14.3) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 36 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất vay thỏa thuận theo từng thời điểm cụ thể.

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | 01/01/2024 | Tăng khác | Chi quỹ trong kỳ | 31/12/2024 |
|-------------------|----------------------|----------------|-------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| - Quỹ khen thưởng | 3.974.033.418 | - | - | 3.974.033.418 |
| - Quỹ phúc lợi | 998.012.130 | 200.000 | 69.280.000 | 928.932.130 |
| Cộng | 4.972.045.548 | 200.000 | 69.280.000 | 4.902.965.548 |

16. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**16.1. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư và phát triển | LNST chưa phân phối | Cộng |
|----------------------|------------------------|----------------------|--------------------------|---------------------|----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2023 | 128.070.000.000 | 24.156.097.000 | 21.221.178.468 | (88.715.185.290) | 84.732.090.178 |
| - Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | 274.930.552 | 274.930.552 |
| Tại ngày 31/12/2023 | 128.070.000.000 | 24.156.097.000 | 21.221.178.468 | (88.440.254.738) | 85.007.020.730 |
| Tại ngày 01/01/2024 | 128.070.000.000 | 24.156.097.000 | 21.221.178.468 | (88.440.254.738) | 85.007.020.730 |
| - Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | 278.633.145 | 278.633.145 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 128.070.000.000 | 24.156.097.000 | 21.221.178.468 | (88.161.621.593) | 85.285.653.875 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Vốn góp chủ sở hữu | 128.070.000.000 | 128.070.000.000 |
| Vốn góp đầu năm | 128.070.000.000 | 128.070.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 128.070.000.000 | 128.070.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

16.3 Cổ phiếu

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 12.807.000 | 12.807.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 12.807.000 | 12.807.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 12.807.000 | 12.807.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 12.807.000 | 12.807.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 12.807.000 | 12.807.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu | 10.000 | 10.000 |

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**17.1. Ngoại tệ các loại**

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-----------------|------------|------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 465,79 | 1.575,55 |
| Euro Mỹ (EUR) | 326,21 | 325,24 |

17.2. Nợ khó đòi đã xử lý

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Hyl International | 1.055.093.543 | 1.055.093.543 |
| - Golden Harvest Seafood Corporation | 985.076.659 | 985.076.659 |
| - Dragon Sourcing | 9.087.663.520 | 9.087.663.520 |
| - Các khách hàng khác | 1.503.011.935 | 1.503.011.935 |
| Cộng | 12.630.845.657 | 12.630.845.657 |

Nguyên nhân xóa sổ nợ khó đòi: Khách hàng đã thay đổi địa điểm trụ sở và khách hàng được xác định là không có khả năng thanh toán nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| - Doanh thu xuất khẩu | 39.946.149.249 | 40.965.126.896 |
| - Doanh thu bán hàng nội địa | 1.046.662.200 | 4.198.096.633 |
| - Doanh thu khác | 4.447.008.558 | 5.858.301.594 |
| Cộng | 45.439.820.007 | 51.021.525.123 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | 2.073.827.159 |
| Cộng | - | 2.073.827.159 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 45.439.820.007 | 48.947.697.964 |

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Giá vốn thành phẩm, hàng hóa | 34.459.983.385 | 36.910.550.559 |
| Cộng | 34.459.983.385 | 36.910.550.559 |

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 241.077 | 329.746 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | 256.668.978 | 384.485.410 |
| Cộng | 256.910.055 | 384.815.156 |

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí tài chính | | |
| - Chi phí lãi vay | 1.101.681.310 | 1.470.877.255 |
| - Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán | 55.742.400 | (118.859.922) |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 582.965.805 | 478.818.128 |
| Cộng | 1.740.389.515 | 1.830.835.461 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÃU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí nhân viên | 771.728.145 | 752.570.042 |
| - Chi phí xuất hàng, vận chuyển | 2.107.596.588 | 1.131.754.579 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 36.987.603 | 24.140.430 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 149.633.963 | 165.885.268 |
| Cộng | 3.065.946.299 | 2.074.350.319 |

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 7.774.563.477 | 6.855.084.766 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 59.464.900 | 62.447.076 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.200.000 | 79.785.445 |
| - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | (3.880.539.190) | - |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.555.449.641 | 830.816.705 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 531.402.655 | 228.609.483 |
| Cộng | 6.047.541.483 | 8.056.743.475 |

7. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a. Thu nhập khác | | |
| - Thu từ thanh lý tài sản cố định | 27.500.000 | - |
| - Thu nhập khác | 49.937.499 | 4.342.477 |
| Cộng | 77.437.499 | 4.342.477 |
| b. Chi phí khác | | |
| - Các khoản nộp chậm, nộp phạt vi phạm hành chính | 116.532.101 | 85.000.000 |
| - Chi phí khác | 65.141.633 | 104.445.231 |
| Cộng | 181.673.734 | 189.445.231 |
| (Lỗ) từ hoạt động khác | (104.236.235) | (185.102.754) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận trước thuế | 278.633.145 | 274.930.552 |
| - Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | 680.674.751 | 254.653.270 |
| - Chi phí lãi vay không được trừ | 193.283.172 | 65.208.039 |
| - Các khoản chi phí khác không được trừ | 181.673.734 | 189.445.231 |
| - Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay | 305.717.845 | - |
| - Thu nhập chịu thuế | 959.307.896 | 529.583.822 |
| - Chuyển lỗ | (959.307.896) | (529.583.822) |
| Thu nhập tính thuế | - | - |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

9. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 278.633.145 | 274.930.552 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc (giảm) | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 278.633.145 | 274.930.552 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 12.807.000 | 12.807.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 22 | 21 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 22 | 21 |

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|------------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí theo yếu tố | | |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 58.300.631.275 | 70.252.021.543 |
| - Chi phí nhân công | 14.678.802.680 | 14.142.467.713 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.926.312.482 | 2.753.884.085 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.289.018.912 | 5.262.878.695 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 1.003.313.139 | 398.392.031 |
| Cộng | 81.198.078.488 | 92.809.644.067 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**11.1 Thông tin về các bên liên quan**

| STT | ĐỐI TƯỢNG | Mối quan hệ |
|-----|---------------------------------------|--|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Kim Xuân | - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Cổ đông lớn |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Kim Thu | - Phó Tổng Giám đốc/thành viên HĐQT - Cổ đông lớn |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Kim Thủy | - Cổ đông lớn |
| 4 | Ông Đặng Việt Hùng | - Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT |
| 5 | Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ | - Công ty liên kết |

11.2 Giá trị giao dịch**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc | | |
| - Bà Nguyễn Thị Kim Thu | 371.827.753 | 381.926.389 |
| - Ông Đặng Việt Hùng | 392.589.154 | 362.216.131 |
| Cộng | 764.416.907 | 744.142.520 |

Số dư các khoản phải thu/ phải trả đối với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Nợ phải trả | | |
| - Bà Nguyễn Thị Kim Thủy | 12.875.833.375 | 12.875.833.375 |
| - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân | 36.477.168.139 | 36.477.168.139 |
| - Bà Nguyễn Thị Kim Thu | 7.300.000.000 | 7.300.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

2. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, Hội đồng quản trị Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

4. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp để đánh giá các khoản mục tài chính trọng yếu của Công ty cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2024. Theo đó các khoản mục được đánh giá là khoản đầu tư tài chính dài hạn và khoản mục hàng tồn kho với kết luận thống nhất số liệu được ghi nhận trên báo cáo tài chính 2024 theo Biên bản họp số 004/BB.HĐQT-ICF ngày 10/02/2025. Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
Người lập
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ THƯƠNG
MẠI THỦY SẢN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
DN: c=VN, l=TPHCM, cn=CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301805
696,
email=PHAMKHANHHOA.IME@GMAIL.C
OM
Date: 2025.03.29 10:05:12 +07'00'